

-기가 무섭게

vừa... là ngay lập tức

Dạng nhanh nhất trong các dạng “ngay khi”. 무섭게 nghĩa là “một cách đáng sợ” — việc thứ hai theo sau nhanh đến mức gần như đáng kinh ngạc.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ	-기가 무섭게	왔다 → 왔기가 무섭게
Dạng ngắn hơn	-기 무섭게	왔기 무섭게
Gốc có ㄹ giữ nguyên ㄹ	-기가 무섭게	만들기가 무섭게
Mệnh đề sau	thường ở quá khứ	전화가 올랐다
Không bao giờ mang thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	왔았기가 무섭게 là sai
Dạng trung tính	-자마자	왔자마자

Khi nào dùng

Gắn -기가 무섭게 vào gốc động từ — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, không có thì đứng trước. 가 có thể lược bỏ: -기 무섭게.

Khoảng cách giữa hai sự việc gần như bằng không: 자리에 왔기가 무섭게 전화가 올랐다. Người nói đang phóng đại để tạo hiệu quả, và giọng điệu thường hơi bức bối.

Nó dùng cho những việc đã thực sự xảy ra, nên mệnh đề sau thường ở quá khứ. Kế hoạch hay mệnh lệnh không phù hợp.

So với -자마자, vốn trung tính, dạng này nhấn mạnh và sinh động. 무섭게 là sắc thái cảm xúc.

Ví dụ trong câu

- 1

자리에 왔기가 무섭게 전화가 올랐어요.
Tôi vừa ngồi xuống là điện thoại reo ngay.
- 2

문을 열기가 무섭게 사람들이 밀려들었다.
Cửa vừa mở là mọi người ùa vào.
- 3

음식을 내놓기가 무섭게 다 없어졌어요.
Đồ ăn vừa bày ra là hết sạch.
- 4

퇴근하기 무섭게 비가 쏟아지기 시작했다.
Tôi vừa tan làm là trời đổ mưa.
- 5

새로 만들기가 무섭게 주문이 들어옵니다.
Chúng tôi vừa làm mẻ mới là đơn hàng đến ngay.
- 6

눅기가 무섭게 잠이 들었어요.
Tôi vừa nằm xuống là ngủ ngay.

So sánh với

-자마자

Cùng thời điểm, khác sắc thái. -자마자 trung tính và dùng được ở mọi văn phong; -기가 무섭게 nhấn mạnh và hơi bức bối.

왔자마자 전화가 왔어요. (trung tính) / 왔기가 무섭게 전화가 왔어요.
(vừa ngồi là ngay lập tức)

-자

-자 là dạng “ngay khi” mang tính văn chương, dùng trong trần thuật. -기가 무섭게 thuộc về lời nói sinh động và kể chuyện cá nhân.

문이 열리자 사람들이 들어왔다. (trần thuật) / 열기가 무섭게 밀려들었어요. (văn nói)

-고 나서

-고 나서 cho phép bất kỳ khoảng thời gian nào; -기가 무섭게 khẳng định là hoàn toàn không có khoảng cách.

왔고 나서 전화했어요. (ngồi xuống, rồi gọi) / 왔기가 무섭게 전화가 왔어요. (ngay lập tức)

Lưu ý

- ✗ 자리에 왔았기가 무섭게 전화가 올랐어요.

○ 자리에 왔기가 무섭게 전화가 올랐어요.
-기 không bao giờ mang thì. Quá khứ nằm ở động từ cuối câu.
- ✗ 집에 도착하기가 무섭게 연락하세요.

○ 집에 도착하자마자 연락하세요.
Đuôi này kể lại điều đã xảy ra, không phải điều nên làm. Với lời chỉ dẫn, -자마자 là đúng.
- ✗ 새로 만들기가 무섭게 주문이 들어와요. — với 만드기

○ 새로 만들기가 무섭게 주문이 들어와요.
ㄹ giữ nguyên trước -기, khác với trước -는 hoặc -(으)니까.